

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Quý 1.2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,229,436,648,934	3,118,825,508,618
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38,941,067,063	89,237,664,563
1. Tiền	111		38,941,067,063	89,237,664,563
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		802,451,008,141	802,451,008,141
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	802,451,008,141	802,451,008,141
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,125,136,832,759	670,183,505,921
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	1,000,781,005,892	555,016,301,366
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	100,196,745,452	89,449,131,841
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	25,661,077,103	34,356,236,070
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1,501,995,688)	(8,638,163,356)
IV. Hàng tồn kho	140		1,171,485,707,253	1,454,624,584,803
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,227,093,595,225	1,509,663,104,281
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(55,607,887,972)	(55,038,519,478)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		91,422,033,718	102,328,745,190
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	2,467,791,060	4,052,962,667
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42,048,217,731	53,919,551,759
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	1,723,887,652	575,222,399
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	45,182,137,275	43,781,008,365

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,348,856,106,637	1,373,138,678,896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,162,001,605,477	1,170,201,946,247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	916,013,073,047	915,500,248,665
<i>Nguyên giá</i>	222		1,484,057,849,098	1,460,364,578,367
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(568,044,776,051)	(544,864,329,702)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	119,846,951,484	120,448,890,982
<i>Nguyên giá</i>	228		130,460,348,381	130,634,567,558
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10,613,396,897)	(10,185,676,576)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	126,141,580,946	134,252,806,600
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,405,568,414	2,045,847,888
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	3,405,568,414	2,045,847,888
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		96,001,201,608	110,350,163,629
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	94,797,739,983	83,287,568,218
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17	-	4,050,170,875
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1,203,461,625	23,012,424,536
VI. Lợi thế thương mại	269		87,447,731,138	90,540,721,132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,578,292,755,571	4,491,964,187,514

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,596,378,707,350	2,605,206,164,864
I. Nợ ngắn hạn	310		2,532,633,960,394	2,533,902,252,388
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	2,090,716,747,553	2,035,705,398,842
2. Phải trả người bán	312	V.20	222,042,894,214	245,560,157,277
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	7,587,043,755	11,631,558,268
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	22,617,894,064	13,395,750,923
5. Phải trả người lao động	315	V.23	59,250,659,948	70,592,690,941
6. Chi phí phải trả	316	V.24	8,983,685,220	18,864,046,674
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	28,866,030,114	37,704,805,919
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	49,469,005,526	57,347,843,544
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		63,744,746,956	71,303,912,476
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	63,300,000,000	63,546,765,919
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	444,746,956	7,757,146,557
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,968,316,413,012	1,869,914,277,690
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,968,316,413,012	1,869,914,277,690
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	924,039,430,000	924,039,430,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	216,409,744,645	216,409,744,645
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	170,981,499	4,596,414,898
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	827,696,256,868	724,868,688,147
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	13,597,635,209	16,843,744,960
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,578,292,755,571	4,491,964,187,514

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

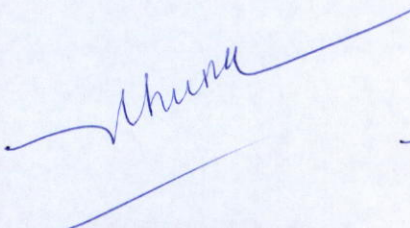
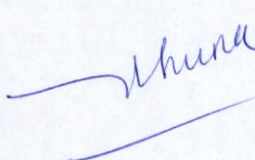
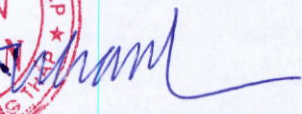
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1,443,947.87	3,547,063.25
Euro (EUR)		633.62	638.17
Nhân dân tệ (CNY)		3,436.00	3,436
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 07 tháng 05 năm 2015


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu
Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng
Trương Thị Lệ Khanh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ 1.2015		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,508,927,814,266	1,157,729,491,479	1,508,927,814,266	1,157,729,491,479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4,495,232,929	1,415,657,891	4,495,232,929	1,415,657,891
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,504,432,581,337	1,156,313,833,588	1,504,432,581,337	1,156,313,833,588
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,316,650,655,761	1,030,470,863,771	1,316,650,655,761	1,030,470,863,771
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		187,781,925,576	125,842,969,817	187,781,925,576	125,842,969,817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38,374,009,942	4,548,750,551	38,374,009,942	4,548,750,551
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16,184,543,813	8,363,396,441	16,184,543,813	8,363,396,441
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,719,215,140	8,357,160,703	11,719,215,140	8,357,160,703
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	53,403,378,679	48,420,462,298	53,403,378,679	48,420,462,298
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	30,011,850,471	22,335,250,830	30,011,850,471	22,335,250,830
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		126,556,162,555	51,272,610,799	126,556,162,555	51,272,610,799
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,032,080,789	855,579,584	1,032,080,789	855,579,584
12. Chi phí khác	32	VI.8	967,503,254	2,155,528,504	967,503,254	2,155,528,504
13. Lợi nhuận khác	40		64,577,535	(1,299,948,920)	64,577,535	(1,299,948,920)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		126,620,740,090	49,972,661,879	126,620,740,090	49,972,661,879
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	20,291,617,798	8,414,729,915	20,291,617,798	8,414,729,915
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	4,001,299,672	(5,982,523,098)	4,001,299,672	(5,982,523,098)



18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>102,327,822,620</u>	<u>47,540,455,062</u>	<u>102,327,822,620</u>	<u>47,540,455,062</u>
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(499,746,101)	8,451,184,530	(499,746,101)	8,451,184,530
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		102,827,568,721	39,089,270,532	102,827,568,721	39,089,270,532
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1,113</u>	<u>637</u>	<u>1,113</u>	<u>637</u>

Thuna

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

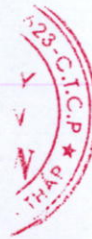
Thuna

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 07 tháng 05 năm 2015

Thana
Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1.2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý 1.2015	Quý 1.2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		126,620,740,090	49,972,661,879
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	33,550,772,636	29,766,432,494
- Các khoản dự phòng	03	V.8	(4,379,140,800)	(14,700,000,000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	2,142,990,869	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(22,400,565,393)	(1,456,779,529)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11,719,215,140	8,357,160,703
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		147,254,012,542	71,939,475,547
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		140,038,272,774	(75,108,967,726)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(81,939,693,083)	38,168,392,558
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(253,168,655,132)	52,463,014,720
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(11,413,889,873)	3,336,259,850
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, VI.4	(11,587,594,132)	(8,008,582,187)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(11,650,860,885)	(25,033,433,043)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	13,169,430,858
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7,878,838,018)	(7,818,435,144)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(90,347,245,807)	63,107,155,433
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13, VII	(37,543,634,007)	(59,155,516,117)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		1,576,310,376	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		5,213,358,198	1,782,775,773
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13,339,930,615	1,441,362,862
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17,414,034,818)	(55,931,377,482)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý 1.2015	Quý 1.2014
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	2,095,588,469,279	695,027,262,591
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.28	(2,038,137,936,566)	(687,252,389,147)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(1,204,125)	(3,004,996,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		57,449,328,588	4,769,877,444
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(50,311,952,037)	11,945,655,395
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	89,237,664,563	73,326,974,789
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15,354,537	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	38,941,067,063	85,272,630,184

Đồng Tháp, ngày 07 tháng 05 năm 2015

Thư
Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Thư
Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Thư
Trương Thị Lệ Khanh
Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 1 năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Xay xát và sản xuất bột thô; bán buôn gạo. Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen thủy phân; sản xuất mỹ phẩm; sản xuất hóa dược phẩm; xuất nhập khẩu gelatin, collagen thủy phân, hóa dược phẩm, nhập khẩu hóa chất, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất gelatin, collagen thủy phân, hóa dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; xuất nhập khẩu mỹ phẩm; xuất nhập khẩu thực phẩm chức năng
- Tổng số các công ty con** : 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 05

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Áp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	99,3%	99,3%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	85%	85%
Công ty TNHH Một Thành Viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang	Áp Mùa Xuân, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Ấp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	100%	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các Công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2015 : 21.458 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.811.656.159	5.227.149.437
Tiền gửi ngân hàng	36.129.410.904	84.010.515.126
Cộng	<u>38.941.067.063</u>	<u>89.237.664.563</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm. Trong đó Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 330 tỷ VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (*)	986.751.824.502	165.841.543.985
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	98.824.326	747.904.000
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	13.930.357.064	6.618.634.257
Cộng	<u>1.000.781.005.892</u>	<u>173.208.082.242</u>

(*) Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 120 tỷ VNĐ đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (*)	52.406.250.990	45.623.496.900
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	2.239.459.460	2.076.730.558
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	222.000.001	254.000.001
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	45.329.035.001	40.645.064.382
Cộng	<u>100.196.745.452</u>	<u>88.599.291.841</u>

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa và vùng nuôi Hòa Hưng với số tiền lần lượt là 15.664.600.000 VNĐ và 6.781.450.000 VNĐ.

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	22.989.735.673	10.287.401.389
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty		5.668.963.950

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
lương thực Miền Nam – tiền hàng ủy thác xuất khẩu		
Các khoản phải thu khác	2.671.341.430	18.399.870.731
Cộng	<u>25.661.077.103</u>	<u>34.356.236.070</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.501.995.688	1.501.995.688
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	7.136.167.668
Cộng	<u>1.501.995.688</u>	<u>8.638.163.356</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	84.884.305.758	107.132.569.320
Công cụ, dụng cụ	6.562.289.274	6.087.445.381
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	743.344.263.775	698.479.229.636
Thành phẩm	392.299.270.873	674.249.388.095
Hàng hóa	3.465.545	3.537.000
Hàng gửi đi bán	-	23.710.934.849
Cộng	<u>1.227.093.595.225</u>	<u>1.509.663.104.281</u>

Một số hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 45 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	55.038.519.478
Tăng trong kỳ	4.948.509.294
Hoàn nhập dự phòng	<u>(4.379.140.800)</u>
Số cuối năm	<u>55.607.887.972</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.245.011.864	1.200.833.149
Chi phí bảo hiểm		1.784.614.497
Chi phí san lấp đào ao		1.067.515.021
Chi phí khác	<u>1.222.779.196</u>	-
Cộng	<u>2.467.791.060</u>	<u>4.052.962.667</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	45.042.895.786	43.776.008.365
Tài sản ngắn hạn khác	139.241.489	5.000.000
Cộng	<u>45.182.137.275</u>	<u>43.781.008.365</u>

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 21.994.868.684 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	631.258.016.031	757.879.231.871	44.723.879.716	6.646.543.590	19.856.907.159	1.460.364.578.367
Tăng trong năm	26.280.694.156	22.530.949.144	4.743.410.909	1.025.760.000	-	54.580.814.209
<i>Mua sắm mới</i>	20.782.363.688	17.542.421.083	4.743.410.909	1.025.760.000	-	44.093.955.680
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	5.498.330.468	4.988.528.061	-	-	-	10.468.858.529
<i>Tăng do mua Công ty con</i>						
<i>Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo</i>						
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
<i>Giảm do bán Công ty con</i>	(28.572.652.829)	-	(1.471.046.058)	(843.844.591)	-	(30.887.543.478)
<i>Phân loại lại</i>						
Số cuối năm	<u>657.538.710.187</u>	<u>780.410.181.015</u>	<u>49.467.290.625</u>	<u>7.672.303.590</u>	<u>19.856.907.159</u>	<u>1.484.057.849.098</u>
<i>Trong đó:</i>						
Khấu hao hết nhưng còn sử dụng						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	161.405.678.546	356.297.995.043	13.484.210.635	4.072.705.915	9.603.739.563	544.864.329.702
Tăng trong năm						
<i>Khấu hao trong năm</i>	12.038.790.650	18.264.280.828	1.767.130.537	189.057.400	589.416.723	32.848.676.138
<i>Tăng do mua Công ty con</i>						
<i>Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo</i>						
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
<i>Giảm do bán Công ty con</i>	(7.862.926.150)	-	(980.698.151)	(824.605.488)	-	(9.668.229.789)
<i>Phân loại lại</i>						
Số cuối năm	<u>161.405.678.546</u>	<u>356.297.995.043</u>	<u>13.484.210.635</u>	<u>4.072.705.915</u>	<u>9.603.739.563</u>	<u>568.044.776.051</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	469.852.337.485	401.581.236.828	31.239.669.081	2.573.837.675	10.253.167.596	915.500.248.665
Số cuối năm	<u>496.133.031.641</u>	<u>424.112.185.972</u>	<u>35.983.079.990</u>	<u>3.599.597.675</u>	<u>10.253.167.596</u>	<u>916.013.073.047</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 351.223.294.190 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	129.759.682.788	874.884.770	130.634.567.558
Mua trong năm		100.157.000	100.157.000
Tăng do mua Công ty con			
Giảm do bán Công ty con	(274.376.177)		(274.376.177)
Số cuối năm	129.485.306.611	975.041.770	130.460.348.381
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	9.529.599.836	656.076.740	10.185.676.576
Khấu hao trong năm	680.971.638	21.124.860	702.096.498
Tăng do mua Công ty con			
Giảm do bán Công ty con	(274.376.177)		(274.376.177)
Số cuối năm	9.936.195.297	677.201.600	10.613.396.897
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	120.230.082.952	218.808.030	120.448.890.982
Số cuối năm	119.549.111.314	297.840.170	119.846.951.484

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 78.704.877.034VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm (*)	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	84.118.041.065	18.220.733.530	(17.530.395.262)	-	84.808.379.333
XDCB dở dang	50.134.765.535	26.851.272.957	(30.064.900.727)	(5.587.936.107)	41.333.201.613
<i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i>	128.893.097	9.229.400.963	(6.131.494.105)	(306.565.750)	2.920.234.205
<i>Công trình xây dựng nhà xưởng (Vĩnh Hoàn 5)</i>	40.281.275.205	10.853.404.768	(21.740.579.596)	-	29.394.100.377
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	9.724.597.233	6.768.467.226	(2.192.827.071)	(5.281.370.357)	9.018.867.031
Cộng	134.252.806.600	45.072.006.487	(47.595.296.034)	5.587.936.107	126.141.580.946

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱ⁾	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	100.000.000.000 VND	99,30%	99,30%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	80.000.000.000 VND	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	85.000.000.000 VND	85%	85%
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang ^(iv)	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	359.982.611.404 VND	100%	99,06%
Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Hậu Giang ^(v)	Nuôi trồng thủy sản nội địa	30.000.000.000 VND	100%	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 7 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 311.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.689.000.000 VND.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần 05 ngày 09 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(iv) Trong năm Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã mua thêm 240.000 cổ phiếu Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang với giá mua là 3.382.611.404 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 25.542.396 cổ phiếu, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300254158 ngày 11 tháng 12 năm 2014 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Hậu Giang là 155.000.000 VND.

Năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Công ty con) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012. Việc góp vốn vào Công ty trên sẽ được thực hiện trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm (*)	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	42.433.474.660	15.117.065.477	(6.212.616.250)	51.337.923.887
Tiền thuê đất	6.872.290.002		(452.015.276)	6.420.274.276
Chi phí thành lập	1.004.719.573		-	1.004.719.573
Chi phí trước hoạt động	4.313.926.202		-	4.313.926.202
Chi phí đào ao, xây dựng cồn	17.353.039.791	5.049.981.266	(1.314.476.055)	21.088.545.002
Chi phí gia cố ao nuôi	3.419.266.677	588.223.000	(1.193.063.879)	2.808.425.798
Chi phí khác	7.890.851.313	242.230.059	(309.156.577)	7.823.924.795
Cộng	83.287.568.218	20.991.499.802	(9.481,328.037)	94.797.739.983

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	4.050.170.875
Phát sinh trong năm	<u>(4.050.170.875)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang		-
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾	217.417.781.625	347.756.277.859
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	1.716.307.209.740	1.528.475.299.894
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	156.991.756.188	159.473.821.089
Cộng	2.090.716.747.553	2.035.705.398.842

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	2.035.705.398.842
Số tiền vay phát sinh	2.095.588.469.279
Chênh lệch tỷ giá	2.314.050.079
Số tiền vay đã trả	(2.042.891.170.647)
Số cuối năm	2.090.716.747.553

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	193.967.851.382	146.830.874.325
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	-
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	230.150.700	275.220.886
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	11.224.472.920	27.405.393.312
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	16.620.419.212	24.745.567.435
Cộng	222.042.894.214	199.257.055.950

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	6.345.615.705	8.259.277.553
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	-
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	268.320.800	536.400.000
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	973.107.250	1.309.705.112
Cộng	7.587.043.755	10.105.382.665

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	879.367.356	(879.367.356)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu ⁽ⁱ⁾	(54.390.214)	601.775.897	(666.149.897)	(118.764.214)
Thuế xuất, nhập khẩu ⁽ⁱ⁾	(520.832.185)	19.925.891	(1.074.999.144)	(1.575.905.438)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	12.010.708.899	20.320.835.798	(11.650.860.885)	20.680.683.812
Thuế thu nhập cá nhân	1.385.042.024	2.530.634.662	(1.978.466.434)	1.937.210.252
Thuế nhà đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	259.495.373	(288.713.373)	(29.218.000)
Cộng	12.820.528.524	24.612.034.977	(16.538.557.089)	20.894.006.412

⁽ⁱ⁾ Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	203.526.461	71.905.453
Chi phí vận chuyển	2.451.410.000	3.154.890.000
Chi phí khác	6.328.748.759	15.637.251.221
Cộng	<u>8.983.685.220</u>	<u>18.864.046.674</u>

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	13.762.960.222	10.900.435.180
Cổ tức phải trả	51.749.700	52.953.825
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu		-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu		-
Các khoản phải trả khác	15.051.320.192	26.751.416.914
Cộng	<u>28.866.030.114</u>	<u>37.704.805.919</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	57.347.843.544
Trích quỹ trong năm	-
Chi quỹ trong năm	(7.878.838.018)
Số cuối năm	<u>49.469.005.526</u>

28. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.

Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	63.546.765.919
Tăng do mua Công ty con	-
Số tiền vay đã trả	(246.765.919)
Số cuối năm	<u>63.300.000.000</u>

29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

17

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

18

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	7.757.146.557
Phát sinh trong năm	<u>(7.312.399.601)</u>
Số cuối năm	<u>444.746.956</u>

30. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	92.403.943
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	92.403.943
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	92.403.943	92.403.943
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	92.403.943
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	92.403.943	92.403.943
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>QUÍ 1.2015</u>	<u>QUÍ 1.2014</u>
Tổng doanh thu	1.508.927.814.266	1.157.729.491.479
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	71.690.960.751	42.607.127.984
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.179.346.842.686	973.520.889.943
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	747.488.772	8.332.313.215
- <i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	27.774.593.035	21.931.552.830
- <i>Doanh thu phế phẩm</i>	229.367.929.022	111.337.607.507
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(4.495.232.929)	(1.415.657.891)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(816.483.780)	(20.598.451)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(3.678.749.149)	(1.395.059.440)
Doanh thu thuần	<u>1.504.432.581.337</u>	<u>1.156.313.833.588</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	71.690.960.751	42.607.127.984
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	1.174.851.609.757	972.105.232.052
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	747.488.772	8.332.313.215
- <i>Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu</i>	27.774.593.035	21.931.552.830

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- <i>Doanh thu thuần phế phẩm</i>	<u>QUÍ 1.2015</u> 229.367.929.022	<u>QUÍ 1.2014</u> 111.337.607.507
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>QUÍ 1.2015</u>	<u>QUÍ 1.2014</u>
Giá vốn của hàng hóa	63.004.071.097	378.605.905.473
Giá vốn của thành phẩm	929.150.344.655	533.280.785.369
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		-
Giá vốn của nguyên vật liệu	91.978.928.867	19.374.115.912
Giá vốn của phế phẩm	231.947.942.648	99.210.057.017
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	569.368.494	-
Cộng	<u>1.316.650.655.761</u>	<u>1.030.470.863.771</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>QUÍ 1.2015</u>	<u>QUÍ 1.2014</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.702.334.284	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	28.575.989	81.026.829
Lãi cho vay	61.990.548	15.416.667
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	1.144.269.354	879.807.126
Lãi bán hàng trả chậm		561.555.736
Lãi chuyển nhượng công ty con	8.491.971.207	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.944.868.560	3.010.944.193
Cộng	<u>38.374.009.942</u>	<u>4.548.750.551</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>QUÍ 1.2015</u>	<u>QUÍ 1.2014</u>
Chi phí lãi vay	11.719.215.140	8.357.160.703
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.142.990.869	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.322.337.804	6.235.738
Cộng	<u>16.184.543.813</u>	<u>8.363.396.441</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>QUÍ 1.2015</u>	<u>QUÍ 1.2014</u>
Chi phí nhân viên	2.953.158.641	2.019.633.820
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		-
Chi phí khấu hao TSCĐ	39.816.829	52.619.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.819.074.053	25.951.866.755
Chi phí khác	27.591.329.156	20.396.342.092
Cộng	<u>53.403.378.679</u>	<u>48.420.462.298</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>QUÍ 1.2015</u>	<u>QUÍ 1.2014</u>
Chi phí nhân viên	10.732.014.803	8.054.314.500
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.944.900.267	507.863.848

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>QUÍ 1.2015</u>	<u>QUÍ 1.2014</u>
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.651.439.734	2.538.525.623
Thuế, phí và lệ phí	359.665.373	155.882.595
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.185.200.612	3.758.463.697
Chi phí khác	10.138.629.682	7.320.200.567
Cộng	<u>30.011.850.471</u>	<u>22.335.250.830</u>
7. Thu nhập khác	<u>QUÍ 1.2015</u>	<u>QUÍ 1.2014</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Các khoản nợ không phải trả	2.428.894	-
Thu nhập khác	1.029.651.895	855.579.584
Cộng	<u>1.032.080.789</u>	<u>855.579.584</u>
8. Chi phí khác	<u>QUÍ 1.2015</u>	<u>QUÍ 1.2014</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	-
Chi phí khác	967.503.254	2.155.528.504
Cộng	<u>967.503.254</u>	<u>2.155.528.504</u>
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>QUÍ 1.2015</u>	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		102.827.568.721
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm		92.403.943
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		<u>1.113</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị và Ban điều hành</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua cổ phần	563.768.567	356.600.000.000
Mượn tiền	-	-
Các cá nhân có liên quan		
Mua nguyên vật liệu	8.824.590.640	15.924.292.360
Bán hàng hóa	2.255.074.270	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	442.539.719	419.499.372
Các cá nhân có liên quan	4.500.000.000	4.500.000.000
Cộng nợ phải thu	4.942.539.719	4.919.499.372
Các cá nhân có liên quan	-	-
Cộng nợ phải trả	-	-

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức

Mối quan hệ

Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức như sau:

	<u>Quý 1.2015</u>
Mua hàng hóa, dịch vụ	429.538.480
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ	958.800
Bán thành phẩm	
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	
Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	
Chi phí khác	
Mua tài sản cố định	
Cho thuê mặt bằng, máy móc thiết bị	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	485.771.094
Phải thu tiền bán hàng	-	879.642.186
Cộng nợ phải thu	-	1.365.413.280
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	-	-
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	-
Phải trả tiền hàng	471.714.236	276.588
Cộng nợ phải trả	471.714.236	276.588
-		

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đồng Tháp, ngày 07 tháng 5 năm 2015



Handwritten signature in blue ink.

Handwritten signature in blue ink.

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	614,049,130,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	4,233,565,274	-	696,016,171,067	1,467,893,650,986
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	309,990,300,000	-	-	-	-	(309,990,300,000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	25,917,744,645	36,897,215,355	-	-	-	62,814,960,000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	439,152,061,580	439,152,061,580
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(10,000,000,000)	(10,000,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(90,309,244,500)	(90,309,244,500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	362,849,624	-	-	362,849,624
Số dư cuối năm trước	924,039,430,000	216,409,744,645	-	4,596,414,898	-	724,868,688,147	1,869,914,277,690
Số dư đầu năm nay	924,039,430,000	216,409,744,645	-	4,596,414,898	-	724,868,688,147	1,869,914,277,690
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	102,827,568,721	102,827,568,721
Trích quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	(4,425,433,399)	-	-	(4,425,433,399)
Số dư cuối năm	924,039,430,000	216,409,744,645	-	170,981,499	-	827,696,256,868	1,968,316,413,012

Thư

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Thư

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 07 tháng 05 năm 2015

Thư

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng giám đốc